

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG THƠ ĐƯƠNG ĐẠI

■ Lưu Khánh Thơ*

TÓM TẮT

Bài viết điểm lại một vài vấn đề nổi bật của thơ thời kỳ Đổi mới dựa trên những quan sát cá nhân về thực tiễn sáng tạo của các nhà thơ thời kỳ này. Chúng tôi tập trung vào ba điểm nhấn. Thứ nhất đó là: Sự chuyển đổi từ cảm hứng sử thi sang cảm hứng đời tư thế sự. Các nhà thơ đặt lên hàng đầu thế giới nội cảm và những kinh nghiệm sống của mình. Phẩm chất cái tôi trữ tình được nhấn mạnh. Thơ đề cập đến mọi khía cạnh của đời sống, gắn bó với mỗi số phận cá nhân. Thứ hai là sự thức tỉnh ý thức cá nhân. Con người cá tính luôn có nhu cầu xác định chỗ đứng của mình trước thế giới và trong các mối quan hệ xã hội. Thứ ba là vấn đề thế giới tâm linh được coi như một thực thể thâm mĩ và đối tượng phản ánh của thơ trữ tình.

ABSTRACT

Some issues in contemporary contemporary poetry

This article shall review some outstanding issues of the poetry of the renovation period based on personal observations on creative practices of poets at this time. We focus on three important points. First, the shift from inspired epic to the inspired private world. Poets put their inner feelings and life experience in the first place in the world. The quality of the lyrical ego is emphasized. All aspects of life are mentioned in poetry and linked to one's individual fate. Second, the awakening of the individual consciousness. The individual is always in need to determine his place in the world and in his social relationships. Third, the spiritual world considered as a real aesthetic entity and as an object of lyrical reflection.

Sự chuyển đổi từ cảm hứng sử thi sang cảm hứng đời tư thế sự

Khi chiến tranh kết thúc, lịch sử sang một trang mới, thơ mới có điều kiện để phát huy hết sức mạnh tiềm tàng của chủ nghĩa hiện thực. Tuy nhiên trong thời kỳ hậu chiến xuất hiện một khuynh hướng thơ khác hẳn với khuynh hướng chủ đạo trước đây. Nó hướng tới các mối quan hệ thế sự, hướng tới các số phận riêng lẻ. Và các nhà thơ đã đặt lên hàng đầu cái thế giới nội cảm và những kinh nghiệm sống của mình. Phẩm chất cái tôi trữ tình được nhấn mạnh. Thơ đề cập đến mọi khía cạnh của đời sống, gắn bó với mỗi cá nhân, mỗi số phận. Thơ bắt nhịp cuộc sống mới đa chiều, phức tạp hơn. Cảm hứng ngợi ca trong thơ dường như lắng lại, thay vào đó là dòng thơ mang chính nội tâm của tác giả trước sự bẽ bộn, lo toan của đời thường. Nhà thơ hướng vào nội tâm, lấy cái tôi làm chủ đạo. Sự đổi mới trong

thơ là trở về với bản chất vốn có của thơ, tạo ra giọng điệu thích hợp với thời đại mình sống. Nhà thơ Phạm Tiến Duật cho rằng nền thơ ta đang có bước chuyển rất đáng mừng: “Cái mới như một sản vật sáng tạo có tính chất đơn nhất, không lặp lại: Sự đổi mới trong thơ là sự đổi mới về cả nội dung, hình thức thơ, cơ chế xã hội bao quanh và sự dẫn thân của chính nhà thơ trước số phận và con đường đi của những người cùng thời. Dường như thơ từ vị trí cái ta chuyển sang cái tôi, từ sự hướng ngoại chuyển sang hướng nội” (“Thơ và sự phát triển”, báo Văn nghệ số 10, 11/3/1989). Sự thức tỉnh những nhu cầu xã hội và cá nhân của cái tôi trữ tình đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các nhà thơ. Qua việc thể hiện những vấn đề này càng thấy rõ hơn một kiểu tư duy mới của thơ hôm nay khi mà những nhu cầu cho mỗi số phận cá nhân là một nhu cầu thiết yếu phù hợp với bước tiến của lịch

*PGS.TS, Viện Văn học

sử. Nó đáp ứng được nhu cầu của bản thân nhà thơ với tư cách là một thực thể sáng tạo, đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận và thưởng thức của công chúng. Tư duy nghệ thuật mới tuy đã xuất hiện, nhưng thực tế thì bản sắc riêng của các nhà thơ vẫn chưa thật sự xuất hiện một cách nổi trội. Sự trùng lặp nhau, sự bàng bạc về cá tính vẫn gây nên cảm giác đơn điệu, nhất là khi người viết chỉ quan niệm “cái tôi” của mình bao gồm những uẩn khúc trong số phận cá nhân hoặc trong tình yêu đôi lứa.

Các tập Di cao thơ của Chế Lan Viên (NXB Thuận Hoá) gây được tiếng vang khá lớn. Tác phẩm này mang tính tiêu biểu đậm nét cho thơ Chế Lan Viên về nhiều mặt. Nó đem lại cho người đọc một cái nhìn đầy đủ hơn về một nhà thơ lớn của nền thơ Việt Nam hiện đại. Tập Bến lạ của Đặng Đình Hưng được coi như là một thể nghiệm. Một tập thơ bí ẩn và khó hiểu, thể hiện một tính cách và thi pháp lạ đối với nền thơ của ta. Một số tập thơ khác đã tạo ra được một tiếng nói riêng, đánh dấu một cái mốc trong tư duy thơ của thời kỳ đổi mới: *Bóng chữ* (Lê Đạt), *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều), *Những cánh hoa tiên tri* (Đỗ Minh Tuấn), *Một chấm xanh* (Phùng Khắc Bắc), *Vọng trắng* (Trần Anh Thái), *Những con ngựa đêm* (Nguyễn Việt Chiến), *Củ lửa* (Duong Kiều Minh), *Câu nguyện ban mai* (Mai Văn Phấn)...

Vấn đề thứ hai của thơ sau 1986 là sự phản ánh hiện thực trong thơ. Khả năng nhận thức và phản ánh hiện thực có gì khác và mới so với thơ các giai đoạn trước? Sau chiến tranh động lực sử thi đã bắt đầu suy giảm; những thước đo giá trị tinh thần bị co giãn. Nội dung thể tài trong thơ có sự thay đổi rõ rệt không chỉ là khám phá và phát hiện thêm các mặt nào đó của đời sống, mà cái chính là bổ sung và khai thác những đề tài tưởng đã cũ với nhận thức mới mẻ. Nếu như trước kia các bài thơ có chút hư ảo, giàu tâm trạng và tâm trạng đa chiều hình như thường đem lại cho người đọc những suy nghĩ, đắn đo, do dự... bởi người đọc quen với cách cảm nghĩ thông thường đã được định hướng, định hình trong một khoảng thời gian khá dài, thì đến nay thơ đã mở rộng đề tài và chủ đề “*khu vực trữ tình*

cá thể vốn ít được khai thác trước kia, nay được nói tới nhiều. Nỗi buồn từng bị coi là một nhược điểm có tính thẩm mỹ, một thiếu sót về đạo đức cách mạng, giờ đây có phần được thơ nâng niu. Nhiều nỗi éo le thế sự được thơ biết tới. Dung lượng sự đời của thơ nhờ vậy lớn hơn, thấm thía, từng trải hơn, gửi gắm nhiều kinh nghiệm sống” (Vũ Quần Phương, “Đôi nét diện mạo thơ bây giờ”; Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 10/1990). Những cảm hứng thiên nhiên về hương ca ngợi của thơ giai đoạn trước... đã được thay thế bằng một sự cảm nhận chân thực, tinh táo hơn. Thơ có khác trước về khuynh hướng cảm xúc, trước là ca ngợi, nay là bình giá, bàn luận, nêu câu hỏi. Do có một tầm nhìn, tầm nhận thức mới, thơ lúc này đã tái hiện hiện thực một cách chân thật hơn. Các mặt, các chiều, các khía cạnh khác nhau của hiện thực được đưa vào thơ toàn vẹn hơn.

Thời kỳ này, thơ đang có sự vận động cân bằng trở lại trong các mối quan hệ của đời sống. Trước kia quên mình đi vì cộng đồng, nay con người có nhu cầu muốn khẳng định mình, đi sâu vào những tình cảm riêng tư. Nỗi buồn thời cuộc gắn liền với những nỗi buồn riêng. Hiện thực được phản ánh trong thơ không chỉ ở những mặt nổi mà còn ở những mặt khuất nẻo, ở giới hạn giữa cái “có thể” và “không thể”. “*Thời tôi sống có rất nhiều câu hỏi, câu trả lời thật không dễ dàng chi*” (Nguyễn Trọng Tạo). “*Ta yêu em? Ở cái thời tuổi trắng hóa đá, ở cái thời đến máu cũng bạc màu*” (Nguyễn Khắc Thạch). Thơ trữ tình cá nhân phát triển mạnh. Thơ không né tránh những băn khoăn về thân phận con người. Trở về với chính cuộc sống bên trong, đó là nhu cầu nội tại thôi thúc của thơ, cũng là mong mỏi, là đòi hỏi của bạn đọc.

Sự thức tỉnh ý thức cá nhân trong thơ hiện đại

Cuối những năm 1990 thơ vẫn tiếp tục khuynh hướng trữ tình cá nhân nhưng đã có sự chuyển hóa nhuần nhuyễn hơn, gạt bỏ phần nào những cực đoan non nớt, gạt bỏ những buồn vui gắng gượng để đến được với những giá trị đích thực. “*Anh đã chán lời vu vơ giả dối. Hót lên! dù chưa xót một lần thôi*” (Hoàng Nhuận Cầm).

Những tình cảm cá nhân đơn lẻ khi được đề cập đến một cách chân thành, xúc động bao giờ cũng dễ tìm thấy mỗi đồng cảm sâu xa. Con người cá tính luôn có nhu cầu xác định chỗ đứng của mình trước thế giới và trong các mối quan hệ xã hội, cá nhân. Những vấn đề muôn thuở của con người được nói đến rất thật trong thơ. Nói về tình yêu, hạnh phúc: “*Như bông hồng tươi đỏ. Em cho đời anh buổi sớm không ngờ*” (Nguyễn Đình Thi), nói đến những bất hạnh, đắng cay, già nua, đơn độc: “*Bạn ơi ta như con sẻ nâu, Suốt ngày lượm thóc, bị bán rơi bên tổ ấm chiều về*” (Nguyễn Đỗ), “*Nỗi đau đón một mình ai biết được, Chẳng đêm nào không rõ máu trong tim*” (Ngô Văn Phú), “*Em ơi tiếng gọi đêm nay vẫn còn âm vang trong gió, xin mở cửa cho tôi, xin cho tôi vay vài năm tuổi trẻ*” (Lê Văn Ngân), “*Cô đơn theo con lặng lẽ lớn dần*” (Nguyễn Quang Thiệu), “*Nước mắt đã thôi không chảy, Và nỗi buồn cũng chẳng thể buồn hơn*” (Nguyễn Thị Hồng Ngát), “*Người họa sĩ đi bộ một mình, Đơn độc, Gương mặt trắng xanh đượm buồn*” (Ngô Thế Oanh), “*Khát vọng rui ro khát vọng chẳng thành tên. Cuộc sống ngẫu nhiên, Đời người may rủi, Bị dẫn dắt để bất ngờ làm lỗi. Vinh quang ngăn ngui đến nhường kia*” (Tuyết Nga)...

Các bài thơ tình xuất hiện ồ ạt đã mô tả tình yêu với tất cả các sắc màu phong phú. Thơ tình hôm nay không chỉ ca ngợi, nhảm nháp, thường thức tình yêu mà còn đưa ra những ứng xử mới. Điều này được thể hiện rất rõ ở những cây bút nữ. Đối diện trực tiếp với những bất hạnh của mình: “*Sống làm chi khi người yêu thành người lạ, Ngày như đêm một mình*”. Họ tìm ra cho mình một cách yêu: “*Em hiểu lắm tình yêu thường nông nổi. Thương nhau rồi có thể lại là không. Nên em lặng im yêu vụng thương thầm. Yêu một phía hy vọng là vĩnh viễn*” (Phan Thị Thanh Nhân). Bên cạnh những vần thơ tình đắm đuối của sự dâng hiến gửi trao còn có sự phân định khá rạch ròi: “*Em cỏ cây, Anh là mây gió. Em tích tụ, Anh bay lang thang... Nếu anh thực là gió, Em xin được làm mây, Hãy cho em làm cỏ, Nếu anh thực là cây*” (Đỗ Bạch Mai). Đã có rất nhiều thơ nói về sự yêu đuối của người phụ nữ. Nhưng tư thế của họ trong tình yêu hôm nay

đã khác. Họ dám công khai thừa nhận những lầm lỗi, mất mát, khổ đau của chính mình. Yếu mềm và mạnh mẽ, đam mê và tỉnh thức, những đối cực ấy đã tạo nên một sắc thái mới lạ trong thơ tình hôm nay: “*Bạn lan man vào tôi, Thứ tình yêu lá cỏ, Rồi để lại trong tôi, Nỗi đau như đại thụ*”. “*Càng say càng gặp tình vờ*” (Đoàn Thị Lam Luyến), “*Có lẽ mai sau sẽ tự cười mình, Đa cảm thế sống làm sao nổi*”, “*Một đời đại, vẫn đa mang... một đời*” (Nguyễn Thị Hồng Ngát), “*Cảm ơn anh đã không tráo trở ngay từ phút đầu tiên, Để em được có thời gian nhầm lẫn*” (Phạm Thị Ngọc Liên), “*Em thiếp ngủ như nhành huệ trắng, Trên những mảnh đời trắng đen*” (Thảo Phương)...

Khía cạnh nhục cảm của tình yêu vật chất đã tìm được chỗ đứng trong thơ tình. Cảm giác vật chất trong tình yêu là có thật nhưng đưa vào thơ không dễ. Cách đây chưa lâu tập thơ *Ngựa biển* của Hoàng Hưng và tập thơ *36 bài tình* của Dương Tường đã bị nhiều ý kiến phản đối khi các tác giả đã đẩy khía cạnh này đến mức thái quá, cực đoan. Bài *Tan vỡ* của Dư Thị Hoàn cũng đã hơn một lần bị lên án, nhắc nhở. Đến nay khía cạnh này được nhìn nhận đúng mức hơn. Có lẽ một phần do cách biểu hiện của từng nhà thơ, phần nữa là do tâm lý và thị hiếu của người đọc ngày càng đa dạng và hiện đại hơn. Có thể tìm thấy trong thơ của nhiều nhà thơ ở các thế hệ khác nhau những khao khát đam mê, những dự cảm nồng nàn về một tình yêu trần thế: “*Nguồn sống nhân gian nhựa ứ đầy. Một chiều khổ cực bốn chiều say, Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết, Những nếp xiêm hờ giả bộ ngậy, Hương ngát em lòng kín cõi anh, Đôi núm hồng em nở hết mình*” (Hoàng Cầm), “*Ai siết ghì tiếng nấc, Ai chất ngát môi mềm, Ta lại say rồi*” (Nguyễn Thụy Kha), “*Điều bí ẩn của em, Những đường nét nốt ruồi và dấu môi thâm kín, Hương dịu dàng len lỏi trong đêm, Anh đừng thổ lộ cùng ai*” (Trần Thủy Dương)...

Trong chiều hướng phát triển phong phú và đa dạng của thơ thời kỳ đổi mới có một vấn đề nổi lên tương đối rõ, rất cần phải nói đến. Đó là *vấn đề thế giới tâm linh được coi như một thực thể thâm mĩ và đối tượng phản ánh của thơ trữ*

tình. Nên chăng coi đây là một nét mới của thơ? Đi sâu vào thế giới tâm linh, các nhà thơ dường như có điều kiện để nói hết, nói đúng mình hơn. Nó mở ra một khoảng không gian rộng lớn cho những ý tưởng thâm trầm, sâu sắc, giàu chất trí tuệ. Nó đánh thức phần cảm nhận sâu thẳm của mỗi con người về cái hữu hạn và cái vô hạn, về cái thường nhật và cõi vĩnh hằng của cuộc đời. Khi thế giới tâm linh được coi là đối tượng phản ánh thì nghệ thuật thơ cũng có sự thay đổi. Trong hình tượng thơ cái ảo có phần lấn át cái thực, cái phi lý và cái hợp lý cùng tồn tại bên nhau. Ở một số tác giả cũng đã tạo ra được sức nặng và thu hút sự quan tâm của người đọc như: “*Một tiếng tâm linh ngàn tiếng vọng*” – “*Tôi viết thư cho bạn, Một chiều đầy mây trôi, Về mơ hồ địa chỉ, Xứ tâm linh cuối trời*” (Vân Long), “*Hỏi tượng phật giữa mịt mờ sương khói, Có biết trần gian lắm nắng mưa*” (Nguyễn Đức Mậu), “*Trôi trên hai nắm mộ, Một nghìn năm mộng lung, Một nỗi khát vô cùng, Khô trên hai phiến đá, Gõ hai đầu âm dương, Một kinh cầu vô vọng, Trên tài hoa nhàu nát, Trên trần gian khói sương, Trên mặt người biến sắc, Mưa in dấu vô thường*” (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Thơ như thế thường đem lại cảm giác buồn, và đau nữa, nhưng không mấy khi là những câu thơ nhạt nhẽo. Như không thể có cách gì khác, cuộc hành trình dẫn đến thơ ca đích thực luôn cần sự đổi mới.

Quan niệm về chức năng của thơ

Khái niệm hiện thực ở đây không chỉ đơn thuần là hiện thực đời sống mà là một thứ hiện thực tinh thần: hiện thực của những tâm trạng. Ở thơ hôm nay, nội dung phản ánh của mảng hiện thực tinh thần này đã được mở ra ở nhiều phía: cả phần ý thức lẫn phần vô thức. Thơ chống Pháp và chống Mỹ gắn cái đẹp với cái chuẩn mực, cái lý tưởng. Thơ hôm nay gắn cái đẹp với cái thật. Hiện thực chiến tranh là một đề tài lớn trong thơ ta suốt mấy chục năm qua, đến giai đoạn sau này nó lại được phản ánh trong thơ bằng một cách nhìn mới, phong phú và đa dạng hơn. Hiện thực đời sống được thể hiện trong thơ với một phẩm chất mới. Nền thơ chúng ta đã trưởng thành vượt bậc không chỉ về đội ngũ tác giả mà còn về chất

lượng tác phẩm, cụ thể là về phẩm chất mới của tính trữ tình và quy mô của tính hiện thực. Thơ chúng ta là thơ nhập cuộc, càng ngày càng dần thân vào đời sống. Về hình thức, thơ từ sau 1986, đặc biệt là mấy năm gần đây có nhiều biểu hiện của xu hướng tìm tòi mạnh mẽ, nhằm đổi mới cách viết. Đặc biệt là các thể loại thơ phát triển phong phú. Hình thức câu thơ có nhiều thay đổi. Do những biến động lớn về chất, thơ đã có sự thay đổi nhiều về hình thức câu thơ. Thơ đang có từng bước biến đổi, làm một cuộc giải phóng thực sự triệt để hơn về hình thức thơ. Thể loại thơ đa dạng phong phú hơn. Chẳng những đã vận dụng tất cả các thể thơ cũ từ câu đối, phú, văn tế, vè, hát dặm, thơ Đường luật, thơ tám chữ của phong trào Thơ mới mà còn phát triển các dạng thơ trữ tình, thơ chính luận, các loại thơ trào phúng đã kích. Trong các thể loại thơ thì thơ tự do phát triển hơn cả. Bên cạnh việc cần đổi mới các thể thơ dân tộc, thơ tự do phát triển mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu phản ánh hiện thực sôi động và phong phú của cuộc sống. Thơ tự do tiến dần đến thơ không vần và thơ văn xuôi. Thơ tự do chiếm một vị trí quan trọng và trở thành một thể thơ quen thuộc, gần gũi với mọi người. Khả năng biểu hiện của thơ tự do rất lớn. Về phương diện ngôn ngữ cũng có những đóng góp mới. Ngôn ngữ của đời sống hàng ngày được tận dụng. Nhìn chung trong quá trình phát triển thơ đã tạo nên một sự thống nhất hài hoà giữa nội dung và hình thức trên cơ sở kết hợp giữa truyền thống và hiện đại và ngày càng thể hiện rõ rệt hướng hiện đại hóa thơ. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi trình độ tư duy và cảm xúc của người viết cũng như với yêu cầu của quần chúng có trình độ thưởng thức ngày càng cao.

Tham luận tại Hội thảo Quốc gia “Thơ Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển” tháng 9/2014.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoài Anh (2008), *Người chở đò thời đại - chân dung văn nghệ sĩ Việt Nam thế kỷ XX*, NXB VHNT, Hà Nội.
- [2] Vũ Tuấn Anh (1997), *Nửa thế kỷ thơ Việt Nam 1945-1995*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [3] Phạm Quốc Ca (2003), *Mấy vấn đề về thơ Việt Nam 1975-2000*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4] Phạm Tiến Duật (1980), “Về bút pháp hiện thực trong thơ Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Văn học*, số 5/1980.
- [5] Nguyễn Đăng Điệp, *Thơ Việt Nam sau 1975 - từ cái nhìn toàn cảnh*, www.vanhoconline.com
- [6] Gabrielle Schrader, *Văn học chiến tranh Việt Nam - một cái nhìn khái quát*, <http://helium.com>
- [7] Nguyễn Văn Hạnh (1999), “Suy nghĩ về thơ Việt Nam từ sau 1975”, Tạp chí *Văn học*, số 9/1999.
- [8] Hội thảo “Thơ ca và sự phát triển”, Báo *Văn nghệ*, số 10/1989.
- [9] Mã Giang Lân (1985), “Mấy xu hướng chính của thơ Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay”, *Văn nghệ Quân đội*, số 12/1985.
- [10] Vũ Quân Phương (1992), “Vài ý nghĩ về thơ hiện nay”, *Tác phẩm mới*, số 5/1992.
- [11] Trần Đình Sử (2001), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [12] Viện Văn học (1984), *Nhà thơ Việt Nam hiện đại*, NXB KHXH, Hà Nội.